

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **11/2018/HC-ST**.

Ngày: 31/10/2018.

V/v: “*Khiếu kiện Quyết định hành chính thu hồi, bồi thường đất đai*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Quang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Ngọc Ân và ông Trần Hanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thái – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 49/2017/TLST-HC ngày 30 tháng 06 năm 2017 về việc “*Khiếu kiện Quyết định hành chính thu hồi, bồi thường đất đai*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2018/QĐXXST-HC ngày 25 tháng 09 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 401/2018/QĐST-HC ngày 09 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 430A/2018/QĐST-HC ngày 18 tháng 10 năm 2018 của TAND tỉnh Phú Yên, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Vợ chồng ông Nguyễn Tấn Q – sinh năm 1945, bà Nguyễn Thị Thu B – sinh năm 1951; Địa chỉ: Thôn Phú T, xã An C, huyện Tuy A, tỉnh Phú Yên.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Nguyễn Tấn Q – sinh năm 1945; Địa chỉ: Thôn Phú T, xã An C, huyện Tuy A, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Bà Trần Thị Như T – Luật sư, Văn phòng Luật sư Dân P, thuộc đoàn Luật sư tỉnh Phú Yên; Địa chỉ: L13-06 Kp. Hùng Vương, P.9, TP. Tuy H, tỉnh Phú Yên; Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Phú Yên. Có mặt.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện Tuy A, Chủ tịch UBND huyện Tuy A: Địa chỉ: Thị trấn C, huyện Tuy A, tỉnh Phú Yên. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Ủy ban nhân dân xã An C, huyện Tuy A, tỉnh Phú Yên: Địa chỉ: Thôn Phú T, xã An C, huyện Tuy A, tỉnh Phú Yên. Do ông Bùi Văn N, sinh năm 1977 – Công chức địa chính xã, tham gia tố tụng theo giấy ủy quyền ngày 31 tháng 10 năm 2018 của Chủ tịch UBND xã An C, huyện Tuy A. Có mặt.

3.2 Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Phú Yên: Địa chỉ: 62A Lê Duẩn, phường 7, thành phố Tuy H, tỉnh Phú Yên. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

3.3 Chi cục thuế huyện Tuy A, tỉnh Phú Yên: Địa chỉ: Thị trấn C, huyện Tuy A, tỉnh Phú Yên. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

3.4 Hợp tác xã Nông nghiệp An C: Địa chỉ: Thôn Phú T, xã An C, huyện Tuy A, tỉnh Phú Yên. Do ông Bùi Tấn C, sinh năm 1963 – Trưởng Ban kiểm soát HTXNN An C tham gia tố tụng theo giấy ủy quyền ngày 09 tháng 10 năm 2018 của Giám đốc HTXNN An C. Có mặt.

3.5 Công ty trách nhiệm hữu hạn T: Địa chỉ: 14 Nguyễn Chí T, phường 7, thành phố Tuy H. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

3.6 Anh Nguyễn Gian P – sinh năm 1986; Địa chỉ: Thôn Phú T, xã An C, huyện Tuy A, tỉnh Phú Yên, ủy quyền cho ông Nguyễn Tấn Q tham gia tố tụng. Ông Q có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 10/02/2015 và quá trình tham gia tố tụng, đại diện của người khởi kiện trình bày: Năm 2014, UBND huyện Tuy A thu hồi đất diện tích 79,4m² tại thôn Phú T, xã An C, huyện Tuy A của gia đình ông Q để thực hiện công trình mở rộng Quốc lộ 1. Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Tuy A đã xác định diện tích thu hồi và kiểm đếm tài sản trên đất. Đến tháng 03/2014, ông Q nhận được thông báo bồi thường tài sản nhưng không bồi thường về đất cho hộ gia đình ông. Ông Q đã khiếu nại đến UBND huyện Tuy A yêu cầu bồi thường, hỗ trợ về đất đối với diện tích bị thu hồi. Chủ tịch UBND huyện Tuy A đã giải quyết khiếu nại không công nhận nội dung khiếu nại vì cho rằng diện tích đất thu hồi nằm trong quy hoạch giao thông. Nhưng diện tích đất bị thu hồi 79,4m² của ông Q nằm trong tổng diện tích 490,1m² thuộc thửa đất số 183, tờ bản đồ số 10 là thuộc quyền sử dụng hợp pháp của gia đình ông Q. Tuy diện tích đất bị thu hồi thuộc phần đất quy hoạch giao thông, nhưng theo quy định của pháp luật thì diện tích này vẫn thuộc

quyền sử dụng hợp pháp của gia đình ông Q, chỉ bị hạn chế trong việc xây dựng trên đất chứ không đương nhiên bị mất phần đất này. Do đó, Nhà nước bồi thường, hỗ trợ thiệt hại về đất khi thu hồi đất. UBND huyện Tuy A không bồi thường, hỗ trợ là gây thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của vợ chồng ông Q, bà B.

Do đó, vợ chồng ông Nguyễn Tấn Q, bà Nguyễn Thị Thu B yêu cầu Tòa án giải quyết hủy Công văn số 09/UBND ngày 04/02/2015 của Chủ tịch UBND huyện Tuy A “*về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Tấn Q*”; Hủy một phần Quyết định số 475/QĐ-UBND ngày 28/4/2014 của UBND huyện Tuy A “*Về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để thực hiện dự án: Đầu tư xây dựng công trình mở rộng quốc lộ 1, đoạn từ KM 1219+300 – Km 1320+00, qua xã An C, huyện Tuy A*” (Đính kèm Bảng tổng hợp ngày 28/4/2014 và Bảng tính chi tiết số 35 ngày 17/3/2014). Buộc UBND huyện Tuy A, tỉnh Phú Yên lập phương án bồi thường, hỗ trợ về đất đối với diện tích 79,4m² nhà nước thu hồi để thực hiện dự án mở rộng Quốc lộ 1 năm 2014 cho vợ chồng ông Nguyễn Tấn Q, bà Nguyễn Thị Thu B theo quy định của pháp luật.

Người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện Tuy A, chủ tịch UBND huyện Tuy A trình bày: Nguồn gốc thửa đất có diện tích bị thu hồi 79,4m² là một phần của thửa số 818, tờ số 3, Bản đồ 299 lập năm 1993, loại đất hoa màu có diện tích 910m², theo sổ quy chủ thửa đất này thì người sử dụng là Hợp tác xã Nông nghiệp An C. Theo bản đồ địa chính lập năm 1997, thửa đất trên là thửa đất số 183, tờ bản đồ số 10, loại đất thổ cư diện tích 350m², theo sổ mục kê thửa đất số 183, tờ bản đồ số 10, thể hiện người sử dụng là Nguyễn Tấn Q. Ngày 29/3/1997, ông Nguyễn Tấn Q có đơn xin đất để xây dựng nhà ở, được Hợp tác xã kinh doanh tổng hợp xã An C và UBND xã An C xác nhận và ngày 10/11/2011 ông Nguyễn Tấn Q tiếp tục có Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất, được UBND xã An C xác nhận và có ý kiến của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Tuy A. Ngày 07/6/2012, UBND huyện Tuy A cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 781464 cho ông Nguyễn Tấn Q tại thửa số 183, tờ bản đồ số 10, diện tích 158m² đất ở nông thôn, ông Q phải nộp tiền sử dụng đất 50% giá trị đất tại thời điểm cấp giấy. Khi lập hồ sơ kỹ thuật áp giá bồi thường, thửa đất 183 được xác định là thửa đất số 139, loại đất theo hiện trạng là ONT+BHK, chủ sử dụng là ông Nguyễn Tấn Q, diện tích 490,1m², diện tích còn lại là 410,7m².

Căn cứ khoản 1, Điều 50 của Luật đất đai 2003: “*Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất ổn định, được Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn xác nhận không*

có tranh chấp mà có một trong các loại giấy tờ sau đây thì được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và không phải nộp tiền sử dụng đất:

b) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tạm thời được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp hoặc có tên trong sổ đăng ký ruộng đất, sổ địa chính;”

Như vậy, thửa đất số 183, tờ bản đồ số 10, diện tích là 350m², có tên trong sổ địa chính lập năm 1998, thừa nhận là đúng.

Tuy nhiên UBND huyện Tuy A không tính bồi thường 79,4m² đất bị ảnh hưởng Quốc lộ 1 năm 2014 với lý do: Sau khi kiểm tra các loại giấy tờ và hồ sơ địa chính lập từ năm 1997, năm 1998. Cụ thể như sau:

Về giao đất khi thực hiện Nghị định 64/CP của Chính phủ, năm 1995 xã An C xét đề nghị giao đất cho ông Nguyễn Tấn Q, thì hộ ông Q được UBND huyện Tuy A cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G418720, ngày 31/10/1997 tổng diện tích đất 3.905m². Trong đó diện tích đất nông nghiệp là 895m² (thửa 135, thửa 222), diện tích đất ở được công nhận: 200m² đất ở, đất vườn 2.810m² (thửa số 68, tờ bản đồ số 01, bản đồ 299/Ttg đo năm 1993, nay là thửa số 253, tờ bản đồ số 10, bản đồ địa chính đo năm 1998).

Vào ngày 29/3/1997, ông Nguyễn Tấn Q có làm đơn xin đất ở 120m², được HTXNN xã An C và UBND xã An C ký xác nhận. Nguồn gốc thửa đất số 818, tờ bản đồ số 03, diện tích 910m², loại đất màu do HTX NN An C quản lý, sau khi thực hiện Nghị định 64-CP, thửa 183, tờ bản đồ số 10 là do UBND xã quản lý. Đất này không phải do ông Q tạo lập trước năm 1993, mà đất này do nhà nước giao vào năm 1997 để làm nhà ở, là đã trừ diện tích nằm trong quy hoạch hành lang giao thông.

Vào năm 1997, đo đạc địa chính, lập sổ mục kê, vào sổ địa chính năm 1998, thửa đất số 183, tờ bản đồ số 10, diện tích đất là 350m². Trong đó: đất ở 200m², đất vườn 150m². Là địa phương xã An C thiếu kiểm tra khi vào sổ địa chính dẫn đến sai sót. Vấn đề này, UBND huyện sẽ đề nghị với Sở Tài nguyên và Môi trường chỉnh lý theo quy định.

Ngày 10/4/2002, ông Q có làm bản cam kết thực hiện trách nhiệm trong công tác bảo vệ công trình giao thông và an toàn giao thông đường bộ. Có nội dung cam kết không coi nói nhà hay xây dựng bất kỳ công trình gì lấn chiếm hành lang bảo vệ đường bộ. Như vậy, ông Q đã thừa nhận diện tích nằm trong chỉ giới 27,2m là đất quy hoạch giao thông do Nhà nước quản lý.

Từ những cơ sở trên, ông Q yêu cầu bồi thường 79,4m² đất bị ảnh hưởng do thực hiện Dự án mở rộng Quốc lộ 1 năm 2014, với lý do thửa đất bị ảnh hưởng dự

án là thửa 183, tờ bản đồ số 10, diện tích đất là 350m², có tên trong sổ địa chính lập năm 1998, là đất quy hoạch giao thông đường Quốc lộ 1, tính từ tim đường ra mỗi bên là 27,2m (tính từ chân mái ta lỵ là 20m) là quy định tại Nghị định số 203/HĐBT ngày 21/2/1982 của Hội đồng Bộ trưởng. Do đó, diện tích 79,4m² đất này nằm trong quy hoạch giao thông do nhà nước quản lý, nên không được bồi thường là đúng quy định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND xã An C trình bày: Thống nhất theo quan điểm trình bày của UBND huyện Tuy A. Đối với diện tích 79,4m² bị ảnh hưởng do thực hiện dự án mở rộng Quốc lộ 1 năm 2014 mà vợ chồng ông Nguyễn Tấn Q, bà Nguyễn Thị Thu B đang khởi kiện yêu cầu, bồi thường hỗ trợ về đất thì UBND huyện Tuy A không ban hành Quyết định thu hồi đất cho vợ chồng ông Q, B vì đây là đất do UBND xã An C quản lý.

Việc ngày 20/10/1998 có ghi vào Sổ địa chính đối với ông Nguyễn Tấn Q trong đó có thửa 183, tờ bản đồ số 10 với diện tích 200m² đất ở và 150m² đất vườn thể hiện số vào sổ cấp giấy chứng nhận là 00720 là không có cơ sở vì tại thời điểm ngày 20/10/1998 thửa đất số 183, tờ bản đồ số 10 chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Chi cục thuế huyện Tuy A trình bày: Tại thời điểm đăng ký quyền sử dụng đất, căn cứ vào đơn xin ghi nợ tiền sử dụng đất của ông Nguyễn Tấn Q và hồ sơ của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Tuy A (nay là Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Tuy A) chuyển qua thì Chi cục thuế huyện Tuy A tiến hành tính số tiền sử dụng đất đối với diện tích 158m² đất ở với số tiền 47.400.00 đồng (sử dụng đất sau thời điểm ngày 15/10/1993 và trước ngày 01/07/2004), tuy nhiên do ông Nguyễn Tấn Q là thương binh nên được giảm 33.180.000 đồng (giảm 70%). Số tiền còn lại 14.220.000 đồng thì ông Q có đơn xin ghi nợ và được sự đồng ý của UBND huyện Tuy A nên Chi cục thuế tiến hành theo dõi số tiền ghi nợ nêu trên theo quy định. Vào ngày 14/3/2017 ông Nguyễn Tấn Q đã đến Chi cục thuế huyện Tuy A để hoàn thành nghĩa vụ đối với số tiền ghi nợ 14.220.000 đồng. Do đó, Chi cục thuế huyện Tuy A không có ý kiến gì đối với yêu cầu của người khởi kiện. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hợp tác xã Nông nghiệp An C trình bày: Nguyên thửa đất số 818, tờ bản đồ số 03 theo bản đồ đo đạc năm 1993 trước kia do Hợp tác xã nông nghiệp xã An C quản lý, sử dụng. Vào ngày 29/3/1997 thì ông Nguyễn Tấn Q có đơn xin đất để xây dựng nhà ở đối với diện tích 120m², xét thấy ông Q là hộ chính sách nên Hợp tác xã có ký xác nhận vào đơn xin đất để xây dựng

nhà ở đối với diện tích 120m² nêu trên cho ông Q. Đối với yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Q, B thì Hợp tác xã Nông nghiệp An C không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Phú Yên: Thông nhất theo quan điểm giải quyết của UBND huyện Tuy A.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH Tứ Thiện trình bày: Việc vợ chồng ông Nguyễn Tấn Q, bà Nguyễn Thị Thu B khởi kiện quyết định hành chính của Chủ tịch UBND huyện Tuy A; UBND huyện Tuy A là quyền cá nhân của vợ chồng ông Q, B. Công ty TNHH Tứ Thiện không có ý kiến gì. Còn đối với kết quả đo đạc diện tích đất vợ chồng ông Nguyễn Tấn Q, bà Nguyễn Thị Thu B đang sử dụng bị ảnh hưởng bởi dự án mở rộng Quốc lộ 1 năm 2014 do công ty lập là đúng theo thực tế, hiện trạng đo đạc, đúng quy định pháp luật về chuyên môn, kỹ thuật. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tòa án đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành đối thoại để các đương sự thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án, nhưng các bên đương sự vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người bị kiện vẫn giữ nguyên quyết định hành chính.

Tại phiên tòa:

Người khởi kiện ông Nguyễn Tấn Q cho rằng thửa đất thửa đất 183, tờ bản đồ số 10, diện tích đất là 350m² ông Nguyễn Tấn Q mua lại của ông Võ Tấn L vào năm 1980, không có giấy tờ mua bán, hiện nay ông L đã chết, ông Q không cung cấp được chứng cứ, chứng minh có việc mua bán đất hợp pháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện cho rằng: Diện tích đất 79,4m² vợ chồng ông Nguyễn Tấn Q, bà Nguyễn Thị Thu B yêu cầu bồi thường, hỗ trợ nằm trong diện tích vợ chồng ông được UBND xã An C giao 350m² và khai hoang lên 490,1m². Tại hồ sơ địa chính là 350m². Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ghi 158m² cộng phần đất quy hoạch giao thông gia đình đang sử dụng có diện tích 350m². Do đó, yêu cầu UBND huyện Tuy A phải lập phương án thu hồi, bồi thường và hỗ trợ đối với diện tích đất 79,4m² bị thu hồi theo quy định của pháp luật. Do đó, đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Q, bà B.

Đại diện VKSND tỉnh Phú Yên phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX, những người tham gia tố tụng là đúng quy định của pháp luật. Về nội dung: Diện tích đất bị ảnh hưởng do giải phóng mặt bằng thực hiện dự án mở rộng Quốc lộ 1 là 79,4m² có chiều dài tiếp giáp mép đường phía Tây Quốc lộ 1 22,57m, chiều sâu phía Nam dài 02m và chiều

sâu phía Bắc dài 5,3m. Đây là diện tích đất hành lang giao thông nằm trong khoảng cách 15,5m mà UBND huyện Tuy A không giao cho ông Q, bà B, không ảnh hưởng đến diện tích 350m² ông Q đã đăng ký kê khai có tại sổ địa chính năm 1997, càng không ảnh hưởng đến diện tích 158m² UBND huyện Tuy A đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Q, bà B vào năm 2012, nên UBND huyện Tuy A không ban hành Quyết định thu hồi diện tích đất 79,4m² và thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ cho vợ chồng ông Q, bà B là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính năm 2015 không chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện vợ chồng ông Nguyễn Tấn Q, bà Nguyễn Thị Thu B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:* Căn cứ bản án hành chính phúc thẩm số 07/2017/HC-PT ngày 27/5/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên, người khởi kiện vợ chồng ông Nguyễn Tấn Q, bà Nguyễn Thị Thu B khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Công văn số 09/UBND ngày 04/02/2015 của Chủ tịch UBND huyện Tuy A “*Về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Tấn Q*”; hủy một phần Quyết định số 475/QĐ-UBND ngày 28/4/2014 của UBND huyện Tuy A “*Về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để thực hiện dự án: Đầu tư xây dựng công trình mở rộng quốc lộ 1, đoạn từ KM 1219+300 – Km 1320+00, qua xã An C, huyện Tuy A*” (Đính kèm Bảng tổng hợp ngày 28/4/2014 và Bảng tính chi tiết số 35 ngày 17/3/2014). Buộc UBND huyện Tuy A, tỉnh Phú Yên lập phương án bồi thường hỗ trợ về đất đối với diện tích 79,4m² nhà nước thu hồi để thực hiện dự án mở rộng Quốc lộ 1 năm 2014 cho vợ chồng ông Nguyễn Tấn Q, bà Nguyễn Thị Thu B theo quy định của pháp luật. Về hình thức, Công văn số 09/UBND của Chủ tịch UBND huyện Tuy A giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Tấn Q không được ban hành dưới hình thức quyết định giải quyết khiếu nại là không đúng với quy định của Luật khiếu nại năm 2011. Tuy nhiên, theo quy định tại Điều 18 của Luật khiếu nại năm 2011 thì thẩm quyền giải quyết khiếu nại là của Chủ tịch UBND huyện Tuy A và nội dung của văn bản, có sự tác động trực tiếp đến yêu cầu bồi thường hỗ trợ do thu hồi đất thực hiện dự án mở rộng Quốc lộ 1 của người khởi kiện vợ chồng ông Nguyễn Tấn Q, bà Nguyễn Thị Thu B là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính theo quy định tại Điều 30 Luật

Tổ tụng hành chính. Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên thụ lý và giải quyết theo thẩm quyền quy định tại Điều 32 Luật Tổ tụng hành chính.

Người bị kiện; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Phú Yên, Chi cục thuế huyện Tuy A có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 168 Bộ luật tố tụng hành chính năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Xét quá trình sử dụng đất của vợ chồng ông Nguyễn Tấn Q, bà Nguyễn Thị Thu B khi thực hiện Nghị định 64/CP của Chính phủ, năm 1995 xã An C xét đề nghị cân đối, giao đất cho hộ ông Nguyễn Tấn Q, thì hộ ông Q được UBND huyện Tuy A cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G418720 ngày 31/10/1997 tổng diện tích đất 3.905m². Trong đó diện tích đất nông nghiệp là 895m² (thửa 135, thửa 222), diện tích đất ở được công nhận: 200m² đất ở, đất vườn 2.810m² (thửa số 68, tờ bản đồ số 01, bản đồ 299/Ttg đo năm 1993, nay là thửa số 253, tờ bản đồ số 10, bản đồ địa chính đo năm 1998). Đối với thửa đất 183, diện tích 350m², tờ bản đồ số 10 bản đồ đo đạc năm 1997, không phải đất được giao cho hộ gia đình ông Nguyễn Tấn Q theo ND 64/CP của Chính phủ.

Xét nguồn gốc diện tích đất vợ chồng ông Nguyễn Tấn Q, bà Nguyễn Thị Thu B đang khiếu kiện:

[3] Người khởi kiện, người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều xác định: Thửa đất 183, diện tích 350m², tờ bản đồ số 10 bản đồ đo đạc năm 1997 là một phần của thửa đất số 818, diện tích 910m², tờ bản đồ số 03, đo đạc năm 1993 do Hợp tác xã nông nghiệp An C quản lý.

[4] Đến năm 1997, do điều kiện chỗ ở của vợ chồng ông Q, bà B tại thửa đất số 68, tờ bản đồ số 10 (theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G 418720 nêu trên) khó khăn về nguồn nước sinh hoạt nên ngày 29/3/1997 ông Nguyễn Tấn Q có đơn xin đất để xây dựng nhà ở (B1 294) với diện tích 120m² tại thửa đất số 183, tờ bản đồ số 10, bản đồ đo đạc năm 1997, được Hợp tác xã nông nghiệp, kinh doanh tổng hợp và UBND xã An C xác nhận. Sau đó vợ chồng ông Nguyễn Tấn Q xây dựng nhà ở, vị trí ngôi nhà cách tim đường Quốc lộ 1 là 24m mặc dù chưa có Quyết định giao đất của cơ quan có thẩm quyền. Đến ngày 20/10/1998, lập sổ địa chính, hộ ông Nguyễn Tấn Q kê khai sử dụng thửa đất 183, diện tích 350m², tờ bản đồ số 10 bản đồ đo đạc năm 1997.

[5] Đến ngày 10/11/2011, vợ chồng ông Nguyễn Tấn Q có Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất với diện tích 158m², tờ bản đồ số 10 (B1 329), được Ủy ban nhân dân xã An C xác nhận nguồn gốc sử dụng đất “*được nhà nước cho đất để xây dựng nhà ở*”, có

ý kiến của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất “*Đất ở sử dụng sau ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2004. Đất được Nhà nước công nhận có thu tiền sử dụng đất, không có tranh chấp. Đủ điều kiện cấp giấy diện tích 158m² đất ở, tờ bản đồ số 10, thửa 183*”. Ngày 07/6/2012, Ủy ban nhân dân huyện Tuy A cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 781464 cho vợ chồng Nguyễn Tấn Q, bà Nguyễn Thị Thu B với diện tích 158m² đất ở nông thôn, có thu tiền sử dụng đất (50%).

[6] Theo sổ địa chính lập ngày 20/10/1998, ông Nguyễn Tấn Q đăng ký kê khai, sử dụng diện tích 350m², chỉ được UBND huyện Tuy A cấp diện tích 158m² phải đóng tiền sử dụng đất (50%). Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 781464 ngày 07/6/2012, UBND huyện Tuy A cấp cho ông Nguyễn Tấn Q, bà Nguyễn Thị Thu B diện tích 158m² có sơ đồ, kích thước cụ thể: Chiều rộng 12,5m cách tim đường Quốc lộ 1A 27,2m và cách mép đường phía Tây Quốc lộ 1A 15,5m (15,5m là đất hành lang giao thông), chiều dài 12,7m. Còn theo hồ sơ kỹ thuật thửa đất do Công ty TNHH Tứ Thiện đo đạc thì diện tích thực tế của thửa 183 có diện tích 490,1m², diện tích đất bị ảnh hưởng do giải phóng mặt bằng thực hiện dự án mở rộng Quốc lộ 1 là 79,4m², diện tích còn lại 410,7m². Diện tích 79,4 bị ảnh hưởng do mở rộng Quốc lộ 1, có chiều dài tiếp giáp mép đường phía Tây Quốc lộ 1A 22,57m, chiều sâu phía Nam dài 02m và chiều sâu phía Bắc dài 5,3m (B1 295). Đây là diện tích đất hành lang bảo vệ an toàn công trình công cộng giao thông nằm trong khoảng cách 15,5m mà UBND huyện Tuy A không giao cho ông Q, bà B, không ảnh hưởng đến diện tích 350m² đăng ký kê khai có tại sổ địa chính năm 1998, càng không ảnh hưởng đến diện tích 158m² UBND huyện Tuy A đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Q, bà B vào năm 2012.

[7] Mặt khác, Xét nội dung trang 99, sổ địa chính lập năm 1997 thì số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 00720, trong khi theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ký hiệu BB 781464 ngày 07/6/2012 của Ủy ban nhân dân huyện Tuy A cấp cho vợ chồng ông Q, bà B thể hiện số vào sổ cấp giấy chứng nhận là CH00347. Đồng thời, theo quy định tại Quyết định số 499QĐ/ĐC ngày 27/7/1995 của Tổng cục địa chính về việc “*Ban hành quy định mẫu sổ địa chính, sổ mục kê đất; sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; sổ theo dõi biến động đất đai*” thì căn cứ để được ghi vào sổ địa chính là phải được cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đối chiếu. Trong trường hợp này thì ngày vào sổ là ngày 15/10/1998 trong khi thửa đất số 183, tờ bản đồ số 10 được UBND huyện Tuy A cấp giấy chứng nhận cho vợ chồng ông Nguyễn Tấn Q, bà Nguyễn Thị Thu B vào ngày 07/6/2012. UBND huyện Tuy A và UBND xã An C cũng đã thừa nhận sai sót nêu trên. Do đó, người khởi kiện và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp

của người khởi kiện cho rằng thửa đất 183, tờ bản đồ số 10 đã được cấp có thẩm quyền đăng ký vào sổ địa chính cho ông Nguyễn Tấn Q tại trang số 99 (Sổ địa chính lập năm 1998, lập theo bản đồ đo đạc năm 1997) đủ điều kiện được bồi thường theo quy định của Điều 50 Luật đất đai 2003 và Điều 45 Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/05/2007 của Chính phủ là không có cơ sở.

Từ những viện dẫn, phân tích, đánh giá nêu trên, HĐXX nhận thấy diện tích 79,4m² bị ảnh hưởng do giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án mở rộng Quốc lộ 1 không ảnh hưởng đến diện tích 350m² tại thửa đất số 183, tờ bản đồ số 10 (theo hồ sơ địa chính năm 1998) và diện tích 158m² đất ở của vợ chồng ông Nguyễn Tấn Q, bà Nguyễn Thị Thu B đã được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thuộc hành lang bảo vệ an toàn công trình công cộng nên UBND huyện Tuy A không ban hành Quyết định thu hồi diện tích đất 79,4m² và thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ cho vợ chồng ông Q, bà B là có căn cứ. Đối với việc UBND huyện Tuy A bồi thường hỗ trợ các tài sản gắn liền với đất trên diện tích 79,4m², vợ chồng ông Nguyễn Tấn Q, bà Nguyễn Thị Thu B không khiếu nại và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về án phí: Hội đồng xét xử không chấp toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên người khởi kiện phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên do ông Nguyễn Tấn Q là người cao tuổi theo quy tại Điều 2 của Luật người cao tuổi số 39/2009/QH12 ngày 23/11/2009 của Quốc hội, thuộc diện được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính; Điều 18 Luật khiếu nại năm 2011; khoản 1 Điều 50 Luật đất đai năm 2003; điểm c khoản 4 Điều 14 Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/05/2007 của Chính phủ; Điều 2 của Luật người cao tuổi số 39/2009/QH12 ngày 23/11/2009 của Quốc hội; Điểm đ, khoản 1 Điều 12 và Khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận đơn khởi kiện của vợ chồng ông Nguyễn Tấn Q, bà Nguyễn Thị Thu B yêu cầu: Hủy Công văn số 09/UBND ngày 04/02/2015 của Chủ tịch UBND huyện Tuy A “*về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Tấn Q*”; Hủy một phần Quyết định số 475/QĐ-UBND ngày 28/4/2014 của UBND huyện Tuy A “*Về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để*

thực hiện dự án: Đầu tư xây dựng công trình mở rộng quốc lộ 1, đoạn từ KM 1219+300 – Km 1320+00, qua xã An C, huyện Tuy A” (Đính kèm Bảng tổng hợp ngày 28/4/2014 và Bảng tính chi tiết số 35 ngày 17/3/2014). Buộc UBND huyện Tuy A, tỉnh Phú Yên lập phương án bồi thường hỗ trợ về đất đối với diện tích 79,4m² nhà nước thu hồi để thực hiện dự án mở rộng Quốc lộ 1 năm 2014 cho vợ chồng ông Nguyễn Tấn Q, bà Nguyễn Thị Thu B. Vì không có căn cứ pháp luật.

Về án phí: Ông Nguyễn Tấn Q, bà Nguyễn Thị Thu B được miễn án phí hành chính sơ thẩm. Hoàn trả lại cho vợ chồng ông Nguyễn Tấn Q, bà Nguyễn Thị Thu B 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm, đã nộp tại Biên lai số AA – 14U 0001134 ngày 22/06/2015 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Tuy A, tỉnh Phú Yên.

Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Đà Nẵng (1);
- VKSND tỉnh Phú Yên (2);
- Cục THADS tỉnh Phú Yên (1);
- Các đương sự (1);
- Phòng kiểm tra NV và THA (1);
- Lưu HSVA; AV (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Lương Quang